

THỰC TRẠNG HỌC TỪ VỰNG TRONG CÁC BÀI ĐỌC HIỂU TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH XÃ HỘI HỌC CỦA SINH VIÊN NGÀNH XÃ HỘI HỌC, KHOA KHOA HỌC XÃ HỘI, TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

ThS. LÊ THỊ MINH - ThS. HOÀNG KIM THÚY*

Abstract: English for specific purposes is becoming essential in the curriculum of most colleges and universities to meet the labor needs in the context of globalization. This article aims to clarify the situation of learning English vocabulary for labour and social affairs of students majoring Sociology, Hong Duc University, namely students' awareness of the role of English vocabulary for specific purposes, their learning method, learning difficulties. Then the authors give some suggestions for lectures and students to develop student's vocabulary.

Keywords: Vocabulary, English for specific purposes, students.

Trong môi trường toàn cầu hoá, nhu cầu sử dụng tiếng Anh chuyên ngành đang được coi là nhu cầu thiết yếu của lực lượng lao động. Để đáp ứng được nhu cầu cấp thiết đó, người học và sử dụng tiếng Anh không chỉ cần trang bị cho mình vốn tiếng Anh cơ bản mà còn phải biết sử dụng các thuật ngữ tiếng Anh có liên quan đến ngành nghề của họ. Để đáp ứng nhu cầu này, từ nhiều năm nay, các trường đại học trên cả nước đã tiến hành biên soạn và đưa vào giảng dạy các giáo trình tiếng Anh chuyên ngành khác nhau.

Hòa vào xu thế đó, tại Trường Đại học Hồng Đức, tiếng Anh chuyên ngành đã được giảng dạy cho cả sinh viên (SV) khối chuyên ngữ và không chuyên ngữ như tiếng Anh chuyên ngành kinh tế, tiếng Anh chuyên ngành kỹ thuật công trình, tiếng Anh du lịch, tiếng Anh chuyên ngành xã hội học,... Các giáo trình "English for Sociology" (book 2, 3) - khoa Ngữ Anh văn - Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh (2005); "English for Labour and Social Affairs" - Trường Đại học Lao động - Xã hội (2007); "Concepts and Comments" - An ESP Reader Patricia Acker (1990) hiện đang được sử dụng để giảng dạy học phần tiếng Anh chuyên ngành Xã hội học. Qua bước đầu tìm hiểu giảng viên (GV) giảng dạy học phần này và SV, chúng tôi nhận thấy khả năng đọc hiểu tiếng Anh chuyên ngành Xã hội học của SV khoa Khoa học xã hội khá hạn chế. Một trong những lí do dẫn đến tình trạng này là do trình độ tiếng Anh nói chung cũng như vốn từ vựng tiếng Anh chuyên ngành của SV chưa tốt.

Vì những lí do trên, chúng tôi đã tiến hành tìm hiểu thực trạng học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành Lao động - Xã hội của SV khoa Khoa học xã hội, Trường Đại học Hồng Đức, về nhận thức, thái độ, cách học, những khó khăn của SV trong việc học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành trong các bài đọc hiểu; từ đó, chúng tôi đưa ra một số kiến nghị nhằm cải thiện việc học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành cho SV.

1. Phương pháp nghiên cứu

1.1. Đối tượng điều tra

Để tiến hành nghiên cứu đề tài, tháng 11/2015 chúng tôi đã chọn đối tượng điều tra là 30 SV K15 ngành Xã hội học, khoa Khoa học xã hội, Trường Đại học Hồng Đức.

1.2. Bảng câu hỏi điều tra

Bảng câu hỏi điều tra dành cho SV gồm 8 câu hỏi được chia thành 3 phần:

- Phần 1 gồm 2 câu hỏi (câu 1 và 2) giúp điều tra về nhận thức, thái độ của SV đối với việc học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành Lao động - Xã hội.

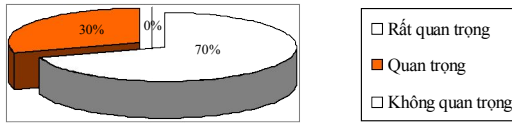
- Phần 2 gồm 4 câu hỏi (từ câu 3 đến câu 6) giúp điều tra về thực trạng cũng như những khó khăn mà SV gặp phải trong việc học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành Xã hội học.

- Phần 3 gồm 2 câu hỏi (câu 7 và 8) nhằm tìm hiểu về những đề xuất của SV nhằm giúp cho việc học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành Xã hội học đạt kết quả cao hơn.

* Trường Đại học Hồng Đức

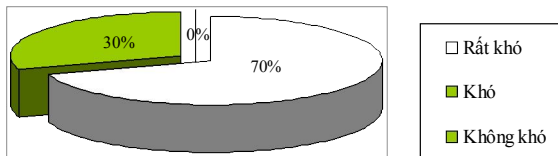
2. Kết quả điều tra

2.1. Nhận thức, thái độ của SV về vai trò của từ vựng đối với việc đọc hiểu tiếng Anh chuyên ngành



Biểu đồ 1. Nhận thức của SV đối với vai trò của từ vựng đối với việc đọc hiểu tiếng Anh chuyên ngành

Vốn từ là yếu tố tiên quyết để đọc hiểu tốt. Để hiểu được văn bản, người học trước hết phải có một vốn từ vựng đủ lớn để hiểu ý của một cụm từ, một câu, hay một chuỗi câu trong văn bản. Với đọc hiểu văn bản chuyên ngành, vốn từ lại càng có vai trò quan trọng. Vì vậy, không ngạc nhiên khi *biểu đồ 1* cho thấy tất cả số SV được điều tra có nhận thức rất tốt về tầm quan trọng của vốn từ vựng trong đọc hiểu tiếng Anh chuyên ngành. Có đến 70% số SV cho rằng vốn từ vựng rất quan trọng, 30% số còn lại cho rằng vốn từ vựng có vai trò quan trọng và không có SV nào đánh giá thấp vai trò của từ vựng. Nhận thức đúng về vai trò của vốn từ vựng chuyên ngành có thể là một động lực để SV tích cực tra cứu vốn từ qua các bài đọc hiểu chuyên ngành.



Biểu đồ 2. Nhận xét của SV đối với việc học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành

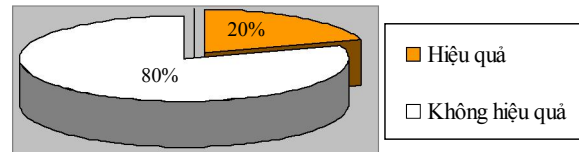
Tuy nhiên, việc học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành Lao động - Xã hội thật sự là một thử thách đối với SV. *Biểu đồ 2* cho thấy có đến 2/3 số SV được hỏi cho rằng học từ vựng tiếng Anh trong các bài đọc hiểu chuyên ngành rất khó, số còn lại nhận xét việc học từ vựng ở mức khó.

2.2. Cách thức SV học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành trong các bài đọc hiểu

Bảng 1. Cách SV học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành trong các bài đọc hiểu

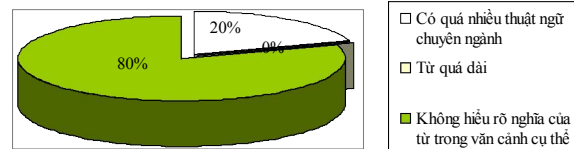
Cách học từ vựng	Số % SV lựa chọn
A. Viết đi viết lại	83%
B. Dịch và xem lại bài đọc hiểu nhiều lần	0%
C. Lập sổ từ gồm các từ cùng thuộc một chủ đề đọc hiểu	0%
D. Học từ mới cùng với những từ đồng nghĩa/trái nghĩa	7%
E. Làm và ôn lại các bài tập trong giáo trình	0%
F. Cách học khác	0%

Bảng 1 cho thấy đa số SV (83%) bị ảnh hưởng bởi cách học truyền thống trong thói quen học từ vựng, đó là viết từ tiếng Anh nhiều lần và cố gắng học thuộc. 7% số SV còn lại học từ vựng chuyên ngành cùng với từ đồng nghĩa và trái nghĩa. Bài tập tìm từ đồng nghĩa và trái nghĩa là một dạng bài tập xuất hiện nhiều trong giáo trình tiếng Anh chuyên ngành Lao động - Xã hội. Các cách học khác như dịch và xem lại bài đọc hiểu nhiều lần, lập sổ từ, làm và ôn tập từ thông qua các bài tập trong giáo trình,... không được SV nào áp dụng. Như vậy có thể thấy rằng, khi học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành trong các bài đọc hiểu, SV thường chỉ chú ý đến chính tả mà không dành nhiều sự quan tâm đến nghĩa của từ trong văn cảnh cụ thể, điều này có thể dẫn đến hiện tượng SV không thật sự hiểu được bài đọc hiểu chuyên ngành của mình bằng tiếng Anh. Đây không phải là một cách học hiệu quả vì từ vựng không nên được học bằng cách thuộc lòng mà không hiểu thật sự. Điều này cũng được khẳng định bởi chính ý kiến của SV khi có tới 80% số SV nhận thấy cách học từ vựng của họ không giúp họ ghi nhớ được từ mới lâu dài.



Biểu đồ 3. Đánh giá của SV đối với cách học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành mà họ áp dụng

2.3. Khó khăn của SV khi học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành trong các bài đọc hiểu



Biểu đồ 4. Khó khăn của SV khi học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành trong các bài đọc hiểu

Kết quả điều tra được thể hiện trong *biểu đồ 4* cho thấy có 2 nguyên nhân gây trở ngại cho SV khi học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành qua các bài đọc hiểu. Nguyên nhân chính là SV không thể hiểu rõ được nghĩa của từ/cụm từ trong văn cảnh cụ thể mặc dù đã tra nghĩa cụ thể của từng từ đơn lẻ. Có 80% số SV được khảo sát gặp phải khó khăn này. 20% số SV còn lại cho biết có quá nhiều thuật ngữ chuyên ngành khiến họ không nhớ nổi và cảm thấy sợ khi phải học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành cũng như đọc hiểu tài liệu.

2.4. Mức độ hứng thú của SV đối với các hoạt động dạy từ vựng tiếng Anh chuyên ngành trong các bài đọc hiểu

Bảng 2. Mức độ hứng thú của SV đối với các hoạt động dạy từ vựng tiếng Anh chuyên ngành

Tên hoạt động	Số % SV lựa chọn
A. Nói câu giải thích nghĩa của từ mới với từ đó	50%
B. Hỏi và trả lời những câu hỏi có liên quan đến từ mới	30%
C. Điền từ vào ô trống để hoàn thành câu/đoạn văn	20%
D. Tìm từ đồng nghĩa và trái nghĩa	20%
E. Ghép các từ với nhau để tạo thành cụm từ có nghĩa	20%
F. Chơi trò chơi từ vựng	50%

Bảng 2 cho thấy SV có hứng thú nhiều nhất với 2 hoạt động nói từ với định nghĩa và trò chơi từ vựng. Có một nửa số SV được hỏi lựa chọn 2 hoạt động trên. Những hoạt động khác như hỏi và trả lời câu hỏi có liên quan đến từ mới, điền từ, ghép từ chỉ được yêu thích bởi khoảng 1/5 số SV được hỏi. Từ đó có thể thấy, 2 hoạt động nói từ với định nghĩa và hoạt động trò chơi từ vựng nếu được tiến hành thường xuyên sẽ gây hứng thú học cho SV.

2.5. Đề xuất của SV về việc học và dạy từ vựng tiếng Anh chuyên ngành trong các bài đọc hiểu

Kết quả khảo sát ý kiến đề xuất của SV về việc học và dạy từ vựng tiếng Anh chuyên ngành Lao động - Xã hội được thể hiện ở bảng 3 và bảng 4.

Bảng 3. Ý kiến của SV về cách học nâng cao từ vựng tiếng Anh chuyên ngành

Tên hoạt động	Số % SV lựa chọn
A. Đọc nhiều bài đọc hiểu tiếng Anh chuyên ngành có kèm phân dịch nghĩa	70%
B. Làm nhiều bài tập đọc hiểu và từ vựng tiếng Anh chuyên ngành	30%
C. Học trên các website học tiếng Anh chuyên ngành	0%
D. Cách học khác	0%

Bảng 3 cho thấy, việc đọc nhiều các bài đọc hiểu tiếng Anh chuyên ngành có kèm dịch được phần lớn SV (70%) đánh giá là có hiệu quả lớn nhất để nâng cao vốn từ vựng tiếng Anh chuyên ngành. Thật vậy, SV thường học học phần tiếng Anh chuyên ngành vào năm thứ ba hoặc thứ tư, sau khi đã học chuyên sâu chuyên ngành của mình. Khi đó, SV đã nắm được vốn từ vựng chuyên ngành bằng tiếng Việt, khi đọc nhiều bài đọc hiểu chuyên ngành bằng tiếng Anh có kèm theo phân dịch, sẽ dễ dàng cho SV hơn trong việc nhớ nghĩa của từ trong văn cảnh. Số SV còn lại (30%) cho rằng việc luyện tập nhiều qua các bài tập về đọc hiểu và từ vựng sẽ có kết quả tốt. Việc luyện tập nếu được tiến hành thường xuyên cũng là một cách để SV tiếp xúc liên tục với từ vựng, giúp họ ghi nhớ lâu hơn.

Bên cạnh những ý kiến về cách học từ vựng chuyên ngành hiệu quả, SV đưa ra một số đề xuất về giờ dạy của GV trên lớp, kết quả thể hiện trong bảng 4.

Bảng 4. Đề xuất của SV về việc dạy từ vựng tiếng Anh chuyên ngành

Tên hoạt động	Số % SV lựa chọn
A. Cho ôn lại từ vựng thường xuyên hơn	30%
B. Tổ chức trò chơi từ vựng	50%
C. Sử dụng nhiều giáo cụ trực quan hơn	20%
D. Khuyến khích và gợi ý đặt câu với từ mới	0%
E. Hoạt động khác	0%

Bảng 4 thể hiện một số đề xuất của SV về việc dạy từ vựng tiếng Anh chuyên ngành. Các đề xuất được SV lựa chọn nhiều nhất là tổ chức trò chơi từ vựng với một nửa số SV lựa chọn, cho ôn lại từ vựng thường xuyên hơn (30%) và sử dụng giáo cụ trực quan khi dạy học (20%). Điều này một lần nữa cho thấy tác dụng tích cực của trò chơi từ vựng và việc được GV hướng dẫn ôn tập từ thường xuyên.

3. Kiến nghị

3.1. Về phía GV

3.1.1. Cần tổ chức nhiều trò chơi từ vựng trên lớp.
 Đây là cách được khá nhiều SV đề xuất và nếu được áp dụng thường xuyên, SV không những cảm thấy hứng thú trong giờ học trên lớp mà còn có thể nhớ từ lâu hơn.

Dựa trên các bài tập từ vựng trong giáo trình, GV có thể thiết kế thành các trò chơi từ vựng như:

1) Synonym/Antonym Bingo:

GV phát cho mỗi SV một handout trong đó có ghi 5 từ tiếng Anh chuyên ngành, ví dụ:

win	obligation		incompetence	inability
		temporary		

GV lần lượt đọc các từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa với những từ đó, nếu SV nào trong handout của mình có từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa của từ mới được đọc ra thì sẽ đánh dấu gạch chéo X lên từ đó.

Ví dụ: GV đọc lên từ “lose”, nếu trong giấy của SV có từ “win” là từ trái nghĩa với “lose” thì SV sẽ đánh dấu X chéo lên từ “win” đó.

win	obligation		incompetence	inability
		temporary		

SV nào đánh chéo được cả 5 dấu X thì hô lên “Bingo!”. GV có thể làm nhiều tờ giống nhau để có nhiều SV cùng hô lên Bingo đồng thời, tạo không khí ngạc nhiên, thú vị. Trò chơi này có thể giúp SV vừa nghe được từ để nhận diện từ, vừa phải nhớ được từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa của từ đó nên SV sẽ học được cả 2 từ.

2) Silly Stories:

GV chia nhóm SV, mỗi nhóm từ 3-4 em hoặc từ 6-8 em nếu lớp đông và phát cho các nhóm handout có ghi các cụm từ về chủ đề đọc hiểu bất kì trong giáo trình. Dưới đây là ví dụ về chủ đề du lịch:

Buy a ticket	Watch an in-flight movie
Confirm their flight	Take a bus or taxi
Collect their luggage	Book a hotel room
Go through security	Do some shopping
Queue at the check-in	Check in at the hotel

Mỗi nhóm dùng ít nhất là 5 cụm từ để kể một câu chuyện vui về một vị khách du lịch, hoặc một doanh nhân đi công tác, người đó lần lượt có những hoạt động gì, có làm gì khác thường hay không. Từ đó, SV thảo luận xây dựng các câu chuyện hài với những tình tiết phi lí. Mỗi nhóm sẽ cử một bạn ra kể câu chuyện của nhóm mình (có thể nhờ các thành viên khác trong nhóm đóng minh họa cho câu chuyện). Cả lớp bình chọn xem đâu là câu chuyện hay nhất, thú vị nhất. Trò chơi này giúp SV sử dụng sáng tạo các cụm từ vừa học, kết hợp cả kĩ năng viết và nói, SV được tự do trao đổi với các bạn khác, không ngại thụ động.

3.1.2. Cung cấp các bài dịch hoàn chỉnh sau mỗi bài đọc hiểu. Việc ôn luyện nghĩa của từ thông qua đọc các bài đọc hiểu có kèm phần dịch mang lại kết quả khả quan. Chris Kennedy và Rod Bolitho cũng đưa ra lời khuyên GV nên dịch các từ tiếng Anh chuyên ngành ra tiếng mẹ đẻ của SV nếu có thể. Với cách học này, SV cần chăm chỉ, tích cực thực hiện.

3.1.3. Cần khuyến khích tinh thần tự học của SV. Lượng từ vựng tiếng Anh chuyên ngành trong giáo trình khá lớn, GV không thể có đủ thời gian để trình bày tất cả từ mới trong một bài học nên SV cần được khuyến khích để chủ động hơn nữa trong việc học của mình. Dưới đây là một số gợi ý về cách mà GV có thể cải thiện tính tự giác của SV: - Yêu cầu SV làm hộp từ vựng để ôn tập trên lớp. GV hướng dẫn cả lớp cùng làm một hộp từ vựng bao gồm các cặp phiếu từ cuối mỗi giờ học. Trong cặp phiếu từ, một phiếu viết một từ mới, thuật ngữ mới xuất hiện trong bài học. Phiếu từ còn lại ghi các thông tin của từ hay ghi các định nghĩa, miêu tả về từ và thuật ngữ. Ở mỗi buổi học, GV yêu cầu SV lấy các phiếu đã ra để luyện tập, ôn lại và chơi trò chơi để tìm ra người chiến thắng, người nhớ được nhiều từ, đặt ví dụ nhiều nhất, đọc đúng và nhiều định nghĩa nhất; - Giao bài tập nhóm về nhà, giao cho các nhóm SV bài tập về sơ đồ từ vựng về các chủ đề đọc hiểu khác nhau. Các nhóm phải trình bày về sơ đồ từ vựng của nhóm mình, cách phát âm, nghĩa của từ, các câu ví dụ có chứa từ. SV đã chuẩn bị theo nhóm trước ở nhà nên lên lớp có thể tự tin trình bày nghĩa cũng như cách dùng của từ.

3.2. Về phía SV

Dưới sự hướng dẫn của GV, SV nên xây dựng thái độ tích cực và mục tiêu rõ ràng trong việc học từ vựng qua các bài đọc hiểu tiếng Anh chuyên ngành. Với những hoạt động được GV gợi ý, hướng dẫn trên lớp cũng như giao về nhà, mỗi SV có thể tự tìm ra cho mình cách học phù hợp và tích cực, chăm chỉ thực hành như: thường xuyên ôn luyện các bài đọc hiểu có kèm phần dịch, tự mình dịch lại bài đọc hiểu, học từ theo sơ đồ từ vựng,... để có thể tích lũy vốn từ vựng chuyên ngành cần thiết.

Tiếng Anh chuyên ngành đang trở thành xu hướng tất yếu trong chương trình giảng dạy của hầu hết các trường đại học nhằm cung cấp cho SV một công cụ quan trọng giúp họ tiếp cận với thông tin cập nhật về chuyên ngành của mình trên sách báo, internet,... Chính vốn từ vựng chuyên ngành dồi dào là yếu tố then chốt để SV có thể đọc hiểu tốt các loại tài liệu chuyên ngành của mình.

Kết quả điều tra bằng phiếu câu hỏi với một số SV khoa Khoa học xã hội đã cho thấy: SV không chuyên ngữ, Trường Đại học Hồng Đức đã có nhận thức rõ ràng về vai trò quan trọng của việc học từ vựng trong các bài đọc hiểu tiếng Anh chuyên ngành nhưng chưa có thái độ tích cực đối với việc trau dồi từ vựng tiếng Anh chuyên ngành và gặp một số khó khăn trong quá trình học từ vựng. Cụ thể, SV chưa tìm ra phương pháp học hiệu quả, có quá nhiều từ vựng chuyên ngành cũng như việc không hiểu nghĩa cụ thể của từ, cụm từ trong văn cảnh cụ thể.

Chúng tôi hi vọng, những đề xuất đối với GV và SV sẽ phần nào khắc phục thực trạng trên, giúp SV có động lực và tìm ra phương pháp phù hợp nâng cao vốn từ vựng tiếng Anh để có thể đọc hiểu tốt các tài liệu chuyên ngành. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Tony Dudley-Evans - Maggie-Jo St John (1998). *Developments in English for specific purposes: A multi-disciplinary approach*. Cambridge University Press.
- [2] Tom Hutchinson - Alan Waters (1987). *English for specific purposes: A learning-centered approach*. Cambridge University Press.
- [3] Kennedy, C. - R. Bolitho (1984). *English for Specific Purposes*. London: Macmillan.
- [4] Pauline Robinson (1991). *ESP today: A practitioner's guide*. Hemel Hempstead, UK: Prentice Hall International (UK) Ltd.
- [5] Badke, W.B. (2004). *Research strategies: finding your way through the information fog*. New York, Lincoln, Shanghai: Universe Inc.